

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/01/2025  
V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thơm; Bà Mai Thị Thảo.

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 505/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 561/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 386/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Malaysia.

*Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản:* Chị Phạm Quỳnh A và Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Số B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 15/10/2008 tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Do kinh tế khó khăn nên năm 2015 chị và anh Q cùng sang Malaysia lao động. Đến cuối năm 2015 anh Q về Việt Nam còn chị vẫn tiếp tục ở lại đó cho đến nay. Cũng từ đó vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn. Giữa năm 2016 anh Q vi phạm pháp luật và bị kết án phạt tù. Tháng 4/2024 anh Q chấp hành án xong và trở về địa phương sinh sống. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2015 vợ chồng không còn tình cảm, nhiều lần chị chủ động nói chuyện với anh Q để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Đến nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có ba con chung là Nguyễn Diễm Q1, sinh ngày 09/7/2009; Nguyễn Thị Nguyệt A1, sinh ngày 28/8/2010; Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 11/04/2013. Hiện các cháu đang ở với bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Đức H1 và bà Nguyễn Thị T. Chị xin được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Do chị đang lao động ở nước ngoài nên ủy quyền cho ông H1, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Malaysia nên chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H, chị Phạm Quỳnh A thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do điều kiện ở xa nên chị không xin được xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở Malaysia, do đó chị đề nghị Tòa án thực hiện giám định dấu vân tay của chị ở các văn bản đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn đề nghị giám định, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền.

*Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:* Anh và chị Y kết hôn năm 2008. Sau đó chị Y đi lao động ở nước ngoài (anh không nhớ thời gian chị Y đi). Năm 2016 anh vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù, đến tháng 5/2024 anh chấp hành xong và về sinh sống tại thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đến nhà anh làm việc hỏi quan điểm của anh về việc chị Y xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung nhưng anh không có quan điểm gì, anh từ chối làm việc với Tòa án và không ký nhận bất kỳ văn bản nào.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị T trình bày:* Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Y. Sau khi vợ chồng chị Y kết hôn thì chung sống ở thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2015 thì hai anh chị đều sang Malaysia lao động, các con của anh chị gửi ông bà chăm sóc. Cuối năm 2015 anh Q về nước. Anh Q không tu chí làm ăn, chơi bời, nghiện ngập. Giữa năm 2016 anh Q bị kết án tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy. Đến tháng 5/2024 anh Q chấp hành án xong. Chị Y và anh Q mâu thuẫn đã rất trầm trọng, từ năm 2015 vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm với nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị Y và anh Q có 3 con chung là Nguyễn Diễm Q1, Nguyễn Thị Nguyệt A1, Nguyễn Ngọc Uyên L. Các cháu ở với ông bà từ năm 2015 cho đến nay. Hàng tháng chị Y gửi tiền để ông bà chi tiêu, nuôi dưỡng các cháu. Đề nghị Tòa án giao cả 3 cháu cho chị Y nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ chị Y chăm sóc các cháu cho đến khi chị Y về Việt Nam.

*Cháu Nguyễn Diễm Q1, Nguyễn Thị Nguyệt A1, Nguyễn Ngọc Uyên L trình bày:* Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị Y.

Theo xác minh tại Cục Q3: Chị Nguyễn Thị Y xuất cảnh lần gần nhất ngày 30/11/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo Kết luận giám định số 3489/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: Các dấu vân tay tại các tài liệu gửi giám định gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị giám định, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền với dấu vân tay in trên căn cước công dân số 030191006099 mang tên Nguyễn Thị Y là dấu vân tay của một người.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Nguyễn Thị Y ly hôn anh Nguyễn Văn Q; Về con chung: Giao 3 con chung là Nguyễn Diễm Q1, Nguyễn Thị Nguyệt A1, Nguyễn Ngọc Uyên L cho chị Y trực tiếp nuôi, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Y không yêu cầu; Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương hiện chị đang làm việc, sinh sống tại Malaysia; bị đơn anh Nguyễn Văn Q hiện đang cư trú tại thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị Y không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn khởi kiện ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án tiến hành trưng cầu giám định dấu vân tay in trong các tài liệu Đơn khởi kiện, B tự khai, Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Đơn đề nghị giám định, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Giấy ủy quyền của chị Y, xác định là dấu vân tay của chị Y. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào

khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn Q2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/10/2008 tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị Y xác định mâu thuẫn của chị và anh Q2 đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q2. Anh Q2 xác định thời điểm kết hôn như chị Y trình bày là đúng, anh từ chối trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Bố mẹ đẻ của chị Y xác định quá trình vợ chồng chị Y chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2015. Anh Q2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, từ chối trình bày quan điểm, thể hiện ý thức bỏ mặc, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Y, anh Q2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh Q2.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Y, anh Q2 có 03 con chung là Nguyễn Diễm Q1, sinh ngày 09/7/2009; Nguyễn Thị Nguyệt A1, sinh ngày 28/8/2010; Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 11/04/2013. Chị Y xin được nuôi cả 3 con chung không yêu cầu anh Q2 cấp dưỡng nuôi con và ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị T chăm sóc các cháu cho đến khi chị Y về Việt Nam. Anh Q2 không có quan điểm về việc giải quyết nuôi con khi ly hôn. Xét thấy từ năm 2015 các con chung của chị Y, anh Q2 đều do ông H1, bà T trực tiếp chăm sóc. Điều kiện, môi trường sống đều đảm bảo và ổn định. Các cháu Nguyễn Diễm Q1, Nguyễn Thị Nguyệt A1, Nguyễn Ngọc Uyên L đều đã trên 7 tuổi, trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Ông H1, bà T nhất trí nhận sự ủy quyền của chị Y chăm sóc các cháu cho đến khi chị Y về Việt Nam. Do đó HĐXX, giao cả 3 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không yêu cầu. Tạm giao con chung Nguyễn Diễm Q1, Nguyễn Thị Nguyệt A1, Nguyễn Ngọc Uyên L cho ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Y về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX

không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y, xử cho chị Nguyễn Thị Y ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Diễm Q1, sinh ngày 09/7/2009; Nguyễn Thị Nguyệt A1, sinh ngày 28/8/2010; Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 11/04/2013 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Nguyễn Diễm Q1, Nguyễn Thị Nguyệt A1, Nguyễn Ngọc Uyên L cho ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Nguyễn Thị Y về Việt Nam.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005191 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị Y đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành*

*án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, G;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**  
**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**